

Số: 2074/GPMT - UBND

Lào Cai, ngày 20 tháng 9 năm 2022

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Lào Cai thành lập Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường dự án Khách sạn Sojo và Thương mại dịch vụ Lào Cai và kết quả làm việc của Tổ thẩm định theo Biên bản làm việc ngày 16/8/2022;*

*Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH tại Văn bản số 296/CV-TNH ngày 15/7/2022, Văn bản số 360/CV-TNH ngày 27/8/2022 về việc giải trình, chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Khách sạn Sojo và Thương mại dịch vụ Lào Cai và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 354/TTr-STNMT ngày 12/9/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH, địa chỉ tại tầng 21, toà tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khách sạn Sojo và Thương mại dịch vụ Lào Cai, địa chỉ tại đường An Dương Vương và đường Hồng Hà, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Khách sạn Sojo và Thương mại dịch vụ Lào Cai.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường An Dương Vương và đường Hồng Hà, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0107219179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 0107219179

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ lưu trú, thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích sử dụng đất: 1.461,9 m<sup>2</sup>, gồm 136 phòng nghỉ, tổng mức đầu tư là 210.582.000.000 đồng.

- Quy mô: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố Lào Cai và các sở ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày..20 tháng..9... năm.2022 đến ngày.20 tháng.9....năm 2032).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND thành phố Lào Cai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Khách sạn Sojo và Thương mại dịch vụ Lào Cai theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TT. UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản);
- UBND TP. Lào Cai;
- Công ty CP ĐT&QL khách sạn TNH (03 bản);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, PCVP3;
- Lưu: VT, TNMT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hải

## Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2074/GP-UBND

ngày 20. tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, khách nghỉ, khách sử dụng các hoạt động thương mại, dịch vụ bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh, từ bếp, nhà hàng.

1.2. Nguồn số 2: Nước mưa chảy tràn trên mái, bề mặt Khách sạn Sojo và Thương mại dịch vụ Lào Cai.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải được xả ra công thoát nước thải đường An Dương Vương, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Công thoát nước thải phía Đông Bắc khách sạn gần đường An Dương Vương, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu 3): X: 2492014.656; Y: 420345.162.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 126 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

| Stt | Chất ô nhiễm                         | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ   |
|-----|--------------------------------------|-------------|---------------------------|--|
| 1   | pH                                   | -           | 5-9                       | Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số |
| 2   | BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C) | mg/l        | 50                        |  |
| 3   | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)          | mg/l        | 100                       |  |
| 4   | Tổng chất rắn hòa tan                | mg/l        | 1000                      |  |
| 5   | Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)  | mg/l        | 4.0                       |  |

h

|    |  |                   |      |                |
|----|--|-------------------|------|----------------|
| 6  | Amoni (tính theo N)                                  | mg/l              | 10   | 08/2022/NĐ-CP) |
| 7  | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) | mg/l              | 50   |                |
| 8  | Dầu mỡ động, thực vật                                | mg/l              | 20   |                |
| 9  | Tổng các chất hoạt động bề mặt                       | mg/l              | 10   |                |
| 10 | Phosphat PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (tính theo P) | mg/l              | 10   |                |
| 11 | Tổng Coliforms                                       | MPN/<br>100<br>ml | 5000 |                |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước mưa trên mái được thu gom bằng các phễu thu nước, theo ống đứng kích thước D140, D160 rồi dẫn vào ống D180, D225, độ dốc I = 1% thoát nước mưa xuống hố ga thoát nước mưa ngoài khách sạn.

- Nước mưa từ ban công được thu gom bằng phễu thu nước D60, theo đường ống đứng kích thước D60, D110, D180 thoát nước mưa xuống hố ga thăm nước mưa ngoài khách sạn.

- Nước mặt sân, vườn của công trình được tự thoát vào hệ thống thoát nước mưa khu vực theo đường ống D110, độ dốc I = 1%.

- Khu vực tầng hầm bố trí hố thu gom nước mặt xây bằng gạch đặc, nền bê tông và bơm chìm thoát nước công suất Q = 15m<sup>3</sup>/h, H = 10m. Nước từ hố thu được dẫn về hố ga thăm nước mưa bằng bơm, sau đó đầu ra hệ thống thoát nước chung của khu vực bằng đường ống D600.

- Nước từ khu vực nhà bếp được thu gom bằng đường ống nhánh D110 đến D200 dẫn về bể tách dầu mỡ, dầu rồi dẫn vào đường ống D140, độ dốc I = 1% đến hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước từ nhà vệ sinh được thu gom bởi trực đứng riêng có đường kính D110 dẫn về bể tự hoại, sau đó xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khách sạn.

- Nước thải giặt là được thu gom theo đường ống D110 xuống hố thu gom, tại đây nước thải được bơm bằng bơm công suất Q = 5m<sup>3</sup>/h, H = 6m theo đường ống HDPE D50 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nước cọ, rửa sàn được thu gom bởi trực đứng riêng có đường kính từ D90 đến D160 đổ về ngăn điều hoà trạm xử lý nước thải.

- Nước phòng rác được thu về hồ bơm, tại đây nước thải được bơm ( $Q = 5\text{m}^3/\text{h}$ ,  $H = 6\text{m}$ ) theo đường ống HDPE D50 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung.

Toàn bộ nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung được bơm ra hồ ga thu nước thải ngoài nhà (kích thước  $L \times B \times H = 1000 \times 980 \times 1920 \text{ mm}$ ).

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

\* Bể tự hoại: Bố trí 01 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích  $57,6\text{m}^3$ , bao gồm 01 ngăn chứa và 02 ngăn lắng, thực hiện quá trình lắng cặn và lên men, phân hủy sinh học kỵ khí cặn lắng.

\* Bể tách mỡ: Bể có 03 ngăn gồm 01 ngăn chứa và 02 ngăn lắng, thể tích  $21,4\text{m}^3$ , nước thải sau khi đi vào bể, dầu mỡ nổi lên trên, chất lỏng được chảy sang bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

\* Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Công suất  $126\text{m}^3/\text{ngày}$  (24 giờ).

- Quy trình công nghệ xử lý như sau:

Nước thải từ các nguồn → Bể điều hòa 02 ngăn → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể tuần hoàn dòng Nitrate → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hồ ga → Công thoát nước đường An Dương Vương.

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ được đưa vào bể điều hòa có thể tích là  $92,3\text{m}^3$ , tại bể có máy thổi khí cung cấp không khí để ngăn quá trình phân hủy kỵ khí, nước được 02 bơm chìm bơm luân phiên sang bể thiếu khí có thể tích  $34,1\text{m}^3$ . Tại bể sinh học thiếu khí Anoxic có dùng máy khuấy nhằm khuấy trộn đều nước thải với bùn vi sinh vật, tăng cường hiệu quả khử nitrat của nước thải. Ngoài ra, tại bể còn tuần hoàn dòng nitrate từ quá trình xử lý của bể sục khí để tăng khả năng loại bỏ nito một cách triệt để của dòng thải. Nước thải sau xử lý tại bể thiếu khí được đưa đến bể hiếu khí MBBR có thể tích  $63\text{m}^3$ , sử dụng các giá thể vi sinh di động có trong bể sục khí để làm gia tăng lượng vi sinh vật có sẵn để xử lý nước thải. Các vi sinh vật sẽ phân hủy hết các tạp chất hữu cơ có trong nước thải. Sau đó, nước được chảy vào bể lắng có thể tích  $28,4\text{m}^3$  để loại bỏ hàm lượng chất rắn lơ lửng trong quá trình xử lý sinh học. Phần bùn lắng được tuần hoàn về bể hiếu khí và một phần thải về bể chứa bùn có thể tích  $13,2\text{m}^3$ . Phần nước trong được thu sang bể khử trùng có thể tích  $11,7\text{m}^3$  để xử lý hoàn toàn lượng vi sinh vật gây bệnh nhờ hệ thống châm chlorine tự động. Cuối cùng, nước thải được bơm ra hồ ga kiểm tra trước khi thoát vào hệ thống thoát nước đường An Dương Vương.

Bùn thải được hút định kỳ 06 tháng/lần về bể chứa bùn có thể tích  $13,2\text{m}^3$  sau đó thuê đơn vị chức năng xử lý.

- Hóa chất sử dụng:

+ Methanol: 3 kg/ngày

+  $\text{H}_2\text{SO}_4$  98%: 0,3 lít/ngày

+ NaOCl 10%: 5,47 kg/ngày

+ Chế phẩm vi sinh: 0,1kg/ngày

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi được UBND tỉnh cấp phép

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý (tại bể điều hoà).

- Nước thải đầu ra tại hố ga trước khi chảy ra đường An Dương Vương, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đáp ứng yêu cầu theo mục 2.3.3 mục A tại phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Việc quan trắc chất thải do Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng nước thải ra môi trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 Phần A tại phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

*a*

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2074/GP-UBND  
 ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Từ hoạt động của phương tiện ra vào khách sạn.
- Nguồn số 2: Từ hoạt động máy phát điện dự phòng

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Vị trí số 1: Khu vực bãi đỗ xe: X = 2526521.315, Y = 486635.648
- Vị trí số 2: Khu vực hoạt động của máy phát điện: X= 2526541.923, Y= 486635.666.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn**

| Stt | Từ 6-21 giờ (dBA) | Từ 21-6 giờ (dBA) | Ghi chú              |
|-----|-------------------|-------------------|----------------------|
| 1   | 55                | 45                | Khu vực đặc biệt     |
| 2   | 70                | 55                | Khu vực thông thường |

**3.2. Độ rung**

| Stt | Thời gian áp dụng trong ngày | Mức gia tốc rung cho phép, dB | Ghi chú              |
|-----|------------------------------|-------------------------------|----------------------|
| 1   | 06 giờ - 18 giờ              | 75                            | Khu vực đặc biệt     |
|     | 18 giờ - 06 giờ              | Mức nền                       |                      |
| 2   | 06 giờ - 21 giờ              | 75                            | Khu vực thông thường |
|     | 21 giờ - 06 giờ              | Mức nền                       |                      |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

*R*



- Máy phát điện được đặt trong phòng kín, cách âm tại khu vực Trạm biến áp – máy phát điện, lắp đặt hệ thống tiêu âm sơ cấp và thứ cấp để giảm thiểu tiếng ồn ở mức tối đa.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su bên dưới máy phát điện.

- Lắp đặt bộ phận giảm thanh cho các máy phát điện. Tại cửa lấy gió vào và cửa gió ra của phòng máy phát điện cũng lắp thanh tiêu âm để cách âm.

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng động cơ thiết bị định kỳ, tần suất 3 tháng/lần.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn độ rung do tác động ảnh hưởng của dự án.

*Q*

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2074/GP-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. *Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:*

| STT | Chất thải                              | Trạng thái | Mã CTNH  | Khối lượng (kg/năm) |
|-----|--|------------|----------|---------------------|
| 1   | Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt         | Rắn        | 18 02 01 | 28                  |
| 2   | Bao bì mềm thải                        | Rắn        | 18 01 01 | 48                  |
| 3   | Bao bì cứng thải bằng nhựa             | Rắn        | 18 01 02 | 73                  |
| 4   | Pin thải                               | Rắn        | 16 01 12 | 3                   |
| 5   | Mực in thải                            | Lỏng       | 08 02 01 | 10                  |
| 6   | Hộp mực in thải có thành phần nguy hại | Rắn        | 08 02 04 | 16                  |

1.2. *Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:*

| Stt | Tên chất thải                     | Khối lượng (kg/năm) |
|-----|-----------------------------------|---------------------|
| 1   | Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh | 138.882,5           |
| 2   | Bùn thải từ khu xử lý nước thải   | 23.725              |

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):*

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa chuyên dụng dung tích 60 lít dạng nhựa chuyên dùng chống ăn mòn, có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH):

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2,7 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa CTNH: Kho có vách ngăn được làm bằng chất liệu không cháy, nền đổ bê tông có rãnh gom, hố ga phòng sự cố đảm bảo quy định về quản lý lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.


#### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng chứa dung tích 30 lít/thùng đặt trong từng phòng nghỉ, khu vực dịch vụ; 04 thùng chứa dung tích 60 lít/thùng đặt tại hành lang của mỗi tầng; 02 xe gom rác dung tích 200 lít/xe để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí tại phòng chứa rác đặt tại tầng hầm của tòa nhà.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. 

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~20.74~~ GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Lào Cai) *B*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật BVMT.